

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ	06 - 07
3. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	12 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 1997 và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ 14 ngày 15 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hiện công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : PMC

Vốn điều lệ : 93.325.730.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	40.543.090.000	43,44
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	52.782.640.000	56,56
Cộng	93.325.730.000	100,00

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) – 3920 0502

Fax : +84 (28) – 3920 0096

Mã số thuế : 0 3 0 0 4 8 3 0 3 7

▪ Thông tin về chi nhánh (chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Địa chỉ : Tầng 1 số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : +84 907 391 119

Mã số thuế : 0 3 0 0 4 8 3 0 3 7 – 0 0 1

▪ Nhà máy sản xuất

Địa chỉ : Nay là 1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn chi tiết: In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu chi tiết: Sản xuất dược phẩm, dược liệu và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. Gia công chế biến một số nguyên liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng chi tiết: Sản xuất vật tư, y tế;
- Sản xuất hóa chất cơ bản chi tiết: Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt vi khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết : Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu chi tiết: Liên doanh, liên kết với tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, vật tư y tế, mỹ phẩm;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật chi tiết: dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho tới thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Thịnh	Chủ tịch	20/04/2024	-
Ông Lê Việt Hùng	Thành viên	20/04/2024	-
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên	20/04/2024	-
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên	20/04/2024	-
Bà Trần Đăng Khoa	Thành viên	20/04/2024	-
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	20/04/2024	28/03/2026
Ông Lê Anh Minh	Thành viên	20/04/2024	28/03/2026
Ông Lê Tuấn	Thành viên	28/03/2026	-
Ông Lê Ngọc Hải	Thành viên	28/03/2026	-
Ông Lê Ngọc Hải	Phó Chủ tịch	24/04/2026	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Trưởng ban	20/04/2024	-
Bà Phạm Thị Thủy Mỹ	Thành viên	20/04/2024	-
Bà Trần Thị Vân	Thành viên	20/04/2024	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Việt Hùng	Tổng Giám đốc	01/06/2024	-
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	14/06/2024	-
Ông Phan Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	14/06/2024	-
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc	14/06/2024	-
Bà Nguyễn Diệu Lê	Kế toán trưởng	14/06/2024	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Việt Hùng – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp từ trang 08 đến trang 39.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này giữa niên độ tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

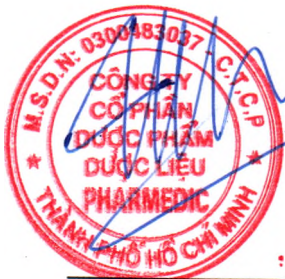
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

TM. Ban Tổng Giám đốc



LÊ VIỆT HÙNG

Tổng Giám đốc



Số: 120801/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số: 1512-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

DVT: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.417.191.393	219.575.579.955
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.2	32.563.728.545	40.564.104.864
1.	Tiền	111		12.563.728.545	40.564.104.864
2.	Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	500.000.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	500.000.000	500.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.499.740.472	66.222.733.916
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.13	51.823.851.593	34.720.871.572
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.14	29.585.979.397	31.775.158.531
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	V.17	2.195.566.536	781.298.114
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.18	(1.105.657.054)	(1.054.594.301)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.20	146.967.785.836	103.930.108.712
1.	Hàng tồn kho	141		146.967.785.836	103.930.108.712
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V.	Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	160		9.885.936.540	8.358.632.463
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8.1	7.148.603.659	3.563.540.430
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162	V.14	2.737.332.881	4.795.092.033
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.592.328.960	125.848.483.770
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		115.773.412.138	93.214.840.011
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	100.653.892.102	91.217.110.307
-	- Nguyên giá	222		307.980.716.064	289.180.699.098
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(207.326.823.962)	(197.963.588.791)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.119.520.036	1.997.729.704
-	- Nguyên giá	228		21.587.764.909	8.057.764.909
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.468.244.873)	(6.060.035.205)
III.	Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
V.	Tài sản dở dang dài hạn	250		176.707.519	2.418.130.548
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		176.707.519	2.418.130.548
VI.	Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		24.642.209.303	30.215.513.211
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8.2	24.642.209.303	30.215.513.211
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		413.009.520.353	345.424.063.725

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tai ngày 30 tháng 06 năm 2026

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		160.519.256.960	104.568.735.717
I.	Nợ ngắn hạn	310		160.519.256.960	104.568.735.717
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	27.574.862.540	28.534.924.569
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.681.830.588	1.940.919.537
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.13	13.642.951.454	15.240.981.474
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	6.696.252.652	8.065.664.348
5.	Phải trả người lao động	315	V.15	17.358.240.775	38.343.369.723
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316		234.395.156	4.318.000.000
7.	Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	1.453.611.372	561.441.445
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	86.866.706.751	181.005.840
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	5.010.405.672	7.382.428.781
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	252.490.263.393	240.855.328.008
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.325.730.000	93.325.730.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.325.730.000	93.325.730.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		972.972.000	972.972.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	93.250.277.906
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		158.191.561.393	53.306.348.102
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		130.675.743.378	340.988.541
	- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		27.515.818.015	52.965.359.561
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		413.009.520.353	345.424.063.725

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

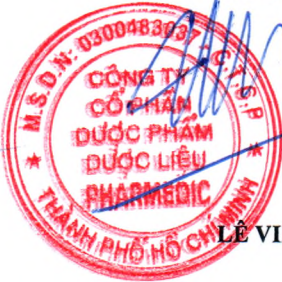
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN MẠNH HÙNG

NGUYỄN DIỆU LÊ



LÊ VIỆT HÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	261.929.869.436	257.955.509.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.258.947.953	32.351.722
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		257.670.921.483	257.923.157.495
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	146.694.573.957	146.658.195.453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		110.976.347.526	111.264.962.042
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.7	192.324.851	2.903.041.929
8. Chi phí tài chính	23	VI.8	1.974.197.460	42.739.726
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		1.974.197.460	42.739.726
9. Chi phí bán hàng	25	VI.10	33.841.332.959	29.477.255.192
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.11	29.851.125.991	28.880.478.054
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
11. {30 = 20 +21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		45.502.015.967	55.767.530.999
12. Thu nhập khác	31	VI.13	74.267.107	709.547.313
13. Chi phí khác	32	VI.14	76.435.556	92.820.802
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.168.449)	616.726.511
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		45.499.847.518	56.384.257.510
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.14	9.151.029.503	11.322.031.502
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		36.348.818.015	45.062.226.008
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10a	2.843	3.525
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10b	2.843	3.525

Người lập



TRẦN MẠNH HÙNG

Kế toán trưởng



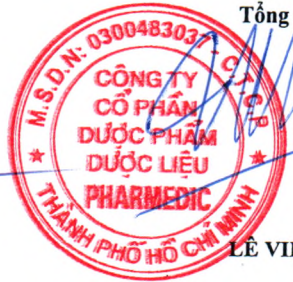
NGUYỄN DIỆU LÊ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



LÊ VIỆT HÙNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.499.847.518	56.384.257.510
2. Điều chỉnh cho các khoản			11.796.705.052	2.318.900.968
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.9; V.10	9.771.444.839	5.428.495.088
- Các khoản dự phòng	03		51.062.753	39.280.106
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	(3.191.613.952)
- Chi phí đi vay	06	VI.8	1.974.197.460	42.739.726
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.296.552.570	58.703.158.478
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.270.310.157)	(29.926.420.677)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(43.037.677.124)	(46.323.227.919)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(16.633.228.939)	19.565.521.735
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1.880.222.160	(11.776.667.095)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(1.974.197.460)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(12.559.671.718)	(11.679.568.447)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14.020.303.539)	(15.572.237.217)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(43.318.614.207)	(37.009.441.142)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.692.280.803)	(27.346.364.604)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	664.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(111.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	160.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	3.606.752.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.692.280.803)	25.924.932.906
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	86.866.706.751	20.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(181.005.840)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(14.675.182.220)	(64.015.875.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.010.518.691	(44.015.875.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8.000.376.319)	(55.100.383.536)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		40.564.104.864	60.084.311.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	32.563.728.545	4.983.928.038

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN MẠNH HƯNG

NGUYỄN DIỆU LÊ

LÊ VIỆT HÙNG



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Liên doanh, liên kết với tổ chức và các cá nhân ở trong và ngoài nước gia công chế biến một số nguyên phụ liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất, mua bán hoá chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Doanh thu và giá vốn kỳ này ổn định so với kỳ trước, tuy nhiên doanh thu tài chính giảm 93%, và chi phí lãi vay tăng cao, do Công ty sử dụng nguồn vốn từ vay ngân hàng làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này giảm 19% so với cùng kỳ năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 Công ty có 494 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 516 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư này thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.21) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản đầu tư khác có bản chất tương tự nhằm mục đích thu lãi định kỳ hoặc các lợi ích kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của khoản đầu tư. Khoản lãi được hưởng trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư tại thời điểm mua.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng/ hoặc phương pháp lãi suất thực phù hợp với thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể bị tổn thất, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng với phần giá trị tổn thất có thể xảy ra. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thanh lý hoặc nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Công ty thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Công ty căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Công ty có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Công ty có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác

5. Hàng tồn kho

• Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở mức độ hoạt động bình thường. Đối với bất động sản thành phẩm, giá gốc bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng, chi phí trực tiếp và các chi phí liên quan khác phát sinh trong quá trình đầu tư và hoàn thiện sản phẩm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thể chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc các chi phí trực tiếp khác phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

• Phương pháp tính giá trị và hạch toán hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

• Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

• **Tiêu thức phân bổ nguyên liệu, vật liệu**

Chi phí nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán. Chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở mức độ hoạt động bình thường.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi trả trước khác liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Giá trị công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và đồ dùng cho thuê phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Các khoản chi phí chờ phân bổ khác không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tính chất và mức độ hưởng lợi của từng khoản chi phí, theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp phù hợp khác và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Công ty theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng nội dung chi phí, thời gian phân bổ, số đã phân bổ và số còn lại chưa phân bổ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất đã trả trước phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn thuê đất còn lại.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến của Công ty như chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua và các khoản thuế được hoàn lại được trừ khỏi nguyên giá tài sản.

Đối với tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản, nguyên giá bao gồm giá quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đi

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa theo quy định hiện hành.

Trường hợp mua tài sản cố định theo phương thức trả chậm, trả góp, nguyên giá tài sản được xác định theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả tiền ngay được ghi nhận vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định khi các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản, như nâng cấp, cải tạo làm tăng công suất, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của tài sản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý, nhượng bán hoặc không còn sử dụng, nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản (hoặc khấu hao theo sản phẩm/khấu hao nhanh thì ghi lại chi phù hợp). Thời gian khấu hao được Công ty xem xét định kỳ và điều chỉnh khi có sự thay đổi đáng kể về cách thức thu hồi lợi ích kinh tế từ tài sản.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các nhóm tài sản như sau::

Loại tài sản cố định	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30
+ Máy móc và thiết bị	06-10
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến, bao gồm giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ trường hợp các chi phí này thỏa mãn đồng thời điều kiện làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản và có thể xác định một cách chắc chắn, khi đó được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình.

Khi tài sản cố định vô hình được thanh lý hoặc nhượng bán, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán (nếu có) được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty có quyền sử dụng đất hợp pháp và xác định được nguyên giá một cách đáng tin cậy. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

chi phí thực tế liên quan trực tiếp như: tiền trả để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và lệ phí trước bạ (nếu có).

Việc khấu hao quyền sử dụng đất được thực hiện như sau:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn: không thực hiện khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao từ 03 đến 05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả người lao động và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả cho người lao động phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động về tiền công, tiền thưởng và các khoản khác thuộc về thu nhập của người lao động. Đơn vị trích lập quỹ lương theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/PMC-HĐQT ngày 01 tháng 08 năm 2014 về hệ số tính lương 56% trên Tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí chưa có lương.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng hóa (thực phẩm chức năng, mỹ phẩm,..) và doanh thu bán thành phẩm thuộc các loại:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần thời gian dài để hoàn thành và đưa vào sử dụng hoặc bán thì chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Các khoản thu nhập phát sinh từ đầu tư tạm thời các khoản vay riêng được ghi giảm chi phí đi vay được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho tài sản đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ. Tỷ lệ vốn hóa được xác định theo lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho việc hình thành một tài sản cụ thể.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định như sau:

- Đối với các khoản phải thu: là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các khoản phải trả: là tỷ giá bán chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Đối với các giao dịch mua bán ngoại tệ: là tỷ giá theo hợp đồng mua bán ngoại tệ ký kết với ngân hàng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua/bán/chuyển khoản/trung bình của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, là ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Trong đó:

- Tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản, với tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán chuyển khoản, với tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo quy định hiện hành.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Số liệu so sánh

Một vài số dư trên Báo cáo tình hình tài chính được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành (thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, năm trước theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính). Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Cuối năm trước theo Thông tư 200/2014/TT-BTC/Trước điều chỉnh	Đầu năm nay được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC/Sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
	Nguồn Vốn			
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	15.240.981.474	15.240.981.474
320	Phải trả ngắn hạn khác	15.802.422.919	561.441.445	(15.240.981.474)
	CỘNG NGUỒN VỐN	15.802.422.919	15.802.422.919	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	601.703.815	562.362.624
1.2	Tiền gửi ngân hàng ⁽¹⁾	11.962.024.730	40.001.742.240
1.3	Tiền và các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	20.000.000.000	-
Tổng cộng		32.563.728.545	40.564.104.864

(1)	Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.768.595.383	28.763.266.559
-	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.187.382.323	11.232.372.658
-	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	6.047.024	6.103.023
Cộng		11.962.024.730	40.001.742.240

(2) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương với lãi suất 4,75%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương với lãi suất 4,1%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là phải thu ngắn hạn chủ yếu về tiêu thụ thành phẩm dược phẩm.

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	19.604.943.496	12.022.301.178
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn và các chi nhánh	15.235.610.564	12.022.301.178
- Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco	4.369.332.932	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	32.218.908.097	22.687.154.998
- Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Thuận Hóa	4.420.435.320	11.415.396
- Các đối tượng khác	27.798.472.777	22.675.739.602
Cộng	51.823.851.593	34.720.871.572

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Là khoản trả trước cho người bán ngắn hạn chủ yếu của việc mua nguyên liệu và mua thiết bị tài sản cho sản xuất.

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước ngắn hạn cho người bán khác</i>	29.585.979.397	31.775.158.531
- Công ty TNHH Công nghệ Mika	8.394.506.064	4.305.230.784
- Công ty TNHH Kỹ thuật TMDV Hòa Phát	7.604.293.484	7.202.744.607
- Công ty TNHH TMDV Gold Seal	5.573.851.488	2.310.843.600
- Các đối tượng khác	8.013.328.361	17.956.339.540
Cộng	29.585.979.397	31.775.158.531

5. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.195.566.536	-	781.298.114	-
- Tam ứng	865.318.892	-	328.399.862	-
- Ký quỹ, ký cược	900.340.277	-	397.714.843	-
- Các đối tượng khác	429.907.367	-	55.183.409	-
Cộng	2.195.566.536	-	781.298.114	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.317.651.249	211.994.195	1.069.479.294	14.884.993
- Công ty DOQ Pharma	673.833.638	-	673.833.638	-
- Công ty CP Dược và Vật tư y tế Kiên Giang	234.872.958	-	234.872.958	-
- Các đối tượng khác	408.944.653	211.994.195	160.772.698	14.884.993
Cộng	1.317.651.249	211.994.195	1.069.479.294	14.884.993

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.054.594.301)	(1.044.787.925)
Trích lập dự phòng	(91.306.834)	(39.280.106)
Hoàn nhập dự phòng	40.244.081	-
Số cuối kỳ	(1.105.657.054)	(1.084.068.031)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7. Hàng tồn kho

		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7.1	Nguyên liệu, vật liệu	75.232.539.450	-	44.716.722.244	-
7.2	Công cụ, dụng cụ	687.319.418	-	687.319.418	-
7.3	Chi phí SXKD dở dang	4.966.279.392	-	26.835.397.670	-
7.4	Thành phẩm	66.081.057.582	-	30.627.748.911	-
7.5	Hàng hóa	589.994	-	1.062.920.469	-
	Cộng	146.967.785.836	-	103.930.108.712	-

Nguyên liệu, vật liệu

Chủ yếu là nguyên vật liệu dùng cho sản xuất dược phẩm.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Là nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm dở dang và vật liệu đưa đi gia công bao bì.

Thành phẩm

Chủ yếu là thành phẩm thuốc.

Hàng hóa

Chủ yếu là thực phẩm chức năng, thuốc các loại.

8. Chi phí chờ phân bổ**8.1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

Chi tiết gồm :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí phần mềm	2.250.000.000	1.274.990.000
- Chi phí tiền thuê đất	3.114.566.442	-
- Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.784.037.217	2.288.550.430
Cộng	7.148.603.659	3.563.540.430

Tình hình tăng, giảm chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	3.563.540.430	435.058.327
Tăng trong kỳ	8.380.970.622	7.864.605.256
Phân bổ trong kỳ	(4.795.907.393)	(1.798.032.628)
Số dư cuối kỳ	7.148.603.659	6.501.630.955

8.2 Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Chi tiết gồm :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	20.182.902.541	25.000.533.077
- Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	4.459.306.762	5.214.980.134
Cộng	24.642.209.303	30.215.513.211

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tình hình tăng, giảm chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	30.215.513.211	6.061.857.726
Tăng trong kỳ	1.455.392.925	5.816.167.108
Phân bổ trong kỳ	(7.028.696.833)	(2.377.384.569)
Số dư cuối kỳ	24.642.209.303	9.500.640.265

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	33.321.724.375	221.326.508.533	21.312.809.053	13.219.657.137	289.180.699.098
2. Tăng trong kỳ	-	18.755.016.966	-	45.000.000	18.800.016.966
- Tăng do mua mới	-	18.755.016.966	-	45.000.000	18.800.016.966
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	33.321.724.375	240.081.525.499	21.312.809.053	13.264.657.137	307.980.716.064
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	21.834.353.146	110.700.772.637	14.536.289.150	2.827.014.271	149.898.429.204
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	29.962.748.343	144.964.471.352	18.222.972.704	4.813.396.392	197.963.588.791
2. Tăng trong kỳ	315.973.697	7.769.794.815	522.114.988	755.351.671	9.363.235.171
- Khấu hao trong kỳ	315.973.697	7.769.794.815	522.114.988	755.351.671	9.363.235.171
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	30.278.722.040	152.734.266.167	18.745.087.692	5.568.748.063	207.326.823.962
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	3.358.976.032	76.362.037.181	3.089.836.349	8.406.260.745	91.217.110.307
2. Tại ngày cuối kỳ	3.043.002.335	87.347.259.332	2.567.721.361	7.695.909.074	100.653.892.102

Tại ngày 30/06/2026, Công ty không thể chấp tài sản cố định cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

10. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	2.916.105.767	3.849.899.609	1.291.759.533	8.057.764.909
2. Tăng trong kỳ	-	13.530.000.000	-	13.530.000.000
- Mua trong kỳ	-	13.530.000.000	-	13.530.000.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	2.916.105.767	17.379.899.609	1.291.759.533	21.587.764.909
Trong đó: Tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	-	3.849.899.609	1.291.759.533	5.141.659.142
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	933.153.840	3.837.899.609	1.288.981.756	6.060.035.205
2. Tăng trong kỳ	29.161.058	376.270.833	2.777.777	408.209.668
- Khấu hao trong kỳ	29.161.058	376.270.833	2.777.777	408.209.668
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	962.314.898	4.214.170.442	1.291.759.533	6.468.244.873
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	1.982.951.927	12.000.000	2.777.777	1.997.729.704
2. Tại ngày cuối kỳ	1.953.790.869	13.165.729.167	-	15.119.520.036

(*) Là giá trị quyền sử dụng đất của lô đất có diện tích 591,5 m², thời hạn sử dụng 50 năm, tọa lạc tại phường Đông Hưng Thuận, TP. HCM theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 830648 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2009.

11. Phải trả cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Phải trả người bán ngắn hạn cho các bên liên quan

-

-

Phải trả cho người bán ngắn hạn khác

27.574.862.540

28.534.924.569

- Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn

5.793.847.920

3.968.523.007

- Công ty Cổ phần Bao bì ATP

1.721.059.920

3.425.621.760

- Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa TM-DV Toàn Thịnh

1.583.980.272

2.058.589.620

- Các đối tượng khác

18.475.974.428

19.082.190.182

Cộng

27.574.862.540

28.534.924.569

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

12. Người mua trả tiền trước

Là khoản tiền ứng trước của khách hàng mua thành phẩm dược phẩm.

13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	13.642.951.454	15.240.981.474
Cộng	13.642.951.454	15.240.981.474

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.265.464.789	(2.265.464.789)	-	-
- Thuế nhập khẩu	-	-	39.128	(39.128)	-	-
- Thuế TNDN	7.559.671.718	-	9.151.029.503	(12.559.671.718)	4.151.029.503	-
- Thuế TNCN	505.670.070	-	2.229.966.692	(2.267.061.241)	468.575.521	-
- Thuế tài nguyên	322.560	-	1.612.080	(1.664.640)	270.000	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.173.312.803	(2.096.935.175)	2.076.377.628	-
- Thuế khác	-	-	70.000.000	(70.000.000)	-	-
Cộng	8.065.664.348	-	17.891.424.995	(19.260.836.691)	6.696.252.652	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu là dược phẩm 5%, 8%
- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ phế liệu, thanh lý tài sản cố định và các mặt hàng khác không phải là dược phẩm 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.499.847.518	56.384.257.510
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	255.300.000	225.900.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	45.755.147.518	56.610.157.510
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.151.029.504	11.322.031.502
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.151.029.503	11.322.031.502

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	15.355.990.775	35.720.697.971
Tiền ăn giữa ca	508.725.000	2.224.997.252
Các khoản khác cho CBCNV	1.493.525.000	397.674.500
Cộng	17.358.240.775	38.343.369.723

Đơn vị trích lập quỹ lương theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/PMC-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2014 về hệ số tính lương 56% trên Tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí chưa có lương.

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.453.611.372	561.441.445
- BHXH, BHYT, BHTN, Kinh phí Công đoàn	380.893.805	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	881.000.000	351.000.000
- Các đối tượng khác	191.717.567	210.441.445
Cộng	1.453.611.372	561.441.445

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	86.866.706.751	86.866.706.751	181.005.840	181.005.840
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	86.866.706.751	86.866.706.751	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	181.005.840	181.005.840
Cộng	86.866.706.751	86.866.706.751	181.005.840	181.005.840

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0243/SGN.KHDN/LD25 ngày 30 tháng 10 năm 2025. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: là 12 tháng nhưng không vượt quá ngày 25/09/2026, vay tín chấp.

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	181.005.840	86.866.706.751	(181.005.840)	86.866.706.751
Cộng	181.005.840	86.866.706.751	(181.005.840)	86.866.706.751

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.972.362.656	6.137.739.884	(6.252.312.900)	6.857.789.640
Quỹ phúc lợi	(547.627.486)	2.863.345.279	(4.555.587.000)	(2.239.869.207)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	957.693.611	2.647.195.267	(3.212.403.639)	392.485.239
Cộng	7.382.428.781	11.648.280.430	(14.020.303.539)	5.010.405.672

19. **Vốn chủ sở hữu**

19a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025					
Tại ngày 01/01/2025	93.325.730.000	972.972.000	93.250.277.906	102.062.842.363	289.611.822.269
- Tăng trong kỳ	-	-	-	45.062.226.008	45.062.226.008
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	45.062.226.008	45.062.226.008
- Giảm trong kỳ	-	-	-	(76.572.461.458)	(76.572.461.458)
+ Trích lập các quỹ	-	-	-	(13.110.965.058)	(13.110.965.058)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(63.461.496.400)	(63.461.496.400)
Tại ngày 30/06/2025	93.325.730.000	972.972.000	93.250.277.906	70.552.606.913	258.101.586.819
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026					
Tại ngày 01/01/2026	93.325.730.000	972.972.000	93.250.277.906	53.306.348.102	240.855.328.008
- Tăng trong kỳ	-	-	-	129.599.095.921	129.599.095.921
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	36.348.818.015	36.348.818.015
+ Bổ sung từ hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	93.250.277.906	93.250.277.906
- Giảm trong kỳ	-	-	(93.250.277.906)	-	(93.250.277.906)
+ Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(93.250.277.906)	-	(11.648.280.430)
+ Trích lập các quỹ	-	-	-	(11.648.280.430)	(11.648.280.430)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(13.065.602.200)	(13.065.602.200)
Tại ngày 30/06/2026	93.325.730.000	972.972.000	-	158.191.561.393	252.490.263.393

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

(^{*)} Hoàn nhập quỹ đầu tư và phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 22/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 28/03/2026.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của cổ đông nhà nước (Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn)	43,44	40.543.090.000	40.543.090.000
- Vốn góp của cổ đông khác	56,56	52.782.640.000	52.782.640.000
Cộng	100,00	93.325.730.000	93.325.730.000

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	93.325.730.000	93.325.730.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	93.325.730.000	93.325.730.000
- Cổ tức lợi nhuận đã phân phối	13.065.602.200	63.461.496.400
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(14.679.662.732)	(64.015.875.300)

19d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.332.573	9.332.573
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ bán ra	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

19e. Chi tiết lợi nhuận đã phân phối

• Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận còn lại năm 2025 và hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 22/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 28/03/2026 như sau như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông	: (13.065.602.200)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: (2.815.280.430)

Cộng **(15.880.882.630)**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Công ty tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2026: tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thù lao HĐQT 90% so với tỷ lệ kế hoạch năm 2026 (Tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thù lao HĐQT kế hoạch năm 2026 là 27%).

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thù lao HĐQT : (8.833.000.000)

Cộng **(8.833.000.000)**

20. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

20a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.541,98	1.548,58

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Khang Nhân	175.838.789	175.838.789
Công ty CP Dược phẩm Bạc Liêu	173.755.550	173.755.550
Công ty Cổ phần Dược phẩm ADMK	153.157.961	153.157.961
Công ty TNHH MTV Apharco	138.344.268	138.344.268
Công ty CP Dược phẩm Bạc Liêu ADMK-CN Tây Ninh	124.771.171	124.771.171
Công ty TNHH BVĐK Anh Minh	18.777.668	18.777.668
Công ty TNHH Đa Khoa Phước Sơn	4.574.010	4.574.010
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược – Vật tư y tế Quảng Ngãi	27.489.442	27.489.442
Công ty TNHH Dược phẩm Quang Trung	16.869.797	16.869.797
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Net Vạn Phúc	14.274.887	14.274.887
Cộng	847.853.543	847.853.543

20c. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê đất tối thiểu phải trả trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn (*) như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.629.778.156	4.629.778.156
Trên 1 năm đến 5 năm	23.148.890.778	23.148.890.778
Trên 5 năm	121.899.701.471	124.197.564.063
Cộng	149.678.370.405	151.974.232.997

(*) Là khoản tiền thuê đất của Nhà nước tại địa chỉ 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, TP.HCM thời gian thuê đến ngày 26/10/2058 theo hợp đồng thuê đất số 547/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 20/01/2009, địa chỉ 167 Đồng Hưng Thuận B, phường Đồng Hưng Thuận, TP.HCM thời gian thuê đến 30/09/2058 theo hợp đồng số 9837/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 01/12/2008.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán thành phẩm	261.248.402.635	253.877.474.060
- Doanh thu bán hàng hóa	681.466.801	4.078.035.157
Tổng cộng (*)	261.929.869.436	257.955.509.217

(*) Trong đó, doanh thu bán thành phẩm với bên liên quan là 38.165.980.408 đồng (Xem tại thuyết minh VII.2b).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Thành phẩm bán bị trả lại, chiết khấu thương mại	4.258.947.953	32.351.722
Tổng cộng	4.258.947.953	32.351.722

3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn thành phẩm	146.229.698.282	143.891.760.557
- Giá vốn hàng hóa	464.875.675	2.766.434.896
Tổng cộng	146.694.573.957	146.658.195.453

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	169.178.083	2.884.064.689
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.143.451	18.977.240
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.317	-
Tổng cộng	192.324.851	2.903.041.929

5. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay.

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	14.901.123.367	19.056.687.698
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	1.391.558.603	584.886.071
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.364.101	521.120.818
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.194.822	1.140.463.240
- Chi phí bằng tiền khác	16.569.092.066	8.174.097.365
Tổng cộng	33.841.332.959	29.477.255.192

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	15.151.803.120	19.752.987.297
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	3.092.484.348	354.820.394
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	924.965.764	143.703.189
- Thuế, phí và lệ phí	1.058.746.361	1.065.246.361
- Trích dự phòng (+)/Hoàn nhập dự phòng (-)	51.062.753	39.280.106
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.164.675.430	2.939.481.650
- Chi phí bằng tiền khác	5.407.388.215	4.584.959.057
Tổng cộng	29.851.125.991	28.880.478.054

8. Thu nhập khác

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Nhượng bán nguyên phụ liệu	-	23.662.514
- Thanh lý tài sản cố định	-	664.545.455
+ Thu nhập thanh lý TSCĐ	-	664.545.455
- Thu nhập khác	74.267.107	21.339.344
Tổng cộng	74.267.107	709.547.313

9. Chi phí khác

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhượng bán nguyên vật liệu	-	22.820.802
- Chi phí khác	76.435.556	70.000.000
Tổng cộng	76.435.556	92.820.802

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.348.818.015	45.062.226.008
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(9.814.180.864)	(12.166.801.022)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(9.814.180.864)	(12.166.801.022)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.534.637.151	32.895.424.986
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.332.573	9.332.573
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.843	3.525

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thù lao HĐQT năm 2026 là 27% lợi nhuận sau thuế. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

10b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.348.818.015	45.062.226.008
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	(9.814.180.864)	(12.166.801.022)
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(9.814.180.864)	(12.166.801.022)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.534.637.151	32.895.424.986
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	9.332.573	9.332.573
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.843	3.525

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thù lao HĐQT năm 2024 là 27% lợi nhuận sau thuế. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

10c. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do trong năm nay trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 03 năm 2026 làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.655 VND xuống 3.525 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.768.452.685	113.060.798.744
- Chi phí nhân công	71.301.436.838	77.518.026.018
- Chi phí công cụ, dụng cụ	9.731.038.000	1.257.929.332
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.771.444.839	5.428.495.088
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.357.172.625	11.148.945.792
- Chi phí bằng tiền khác	24.731.142.343	15.230.713.103
Tổng cộng	229.660.687.330	223.644.908.077

VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm ; các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Lê Văn Thịnh	Chủ tịch HĐQT	450.900.000	373.900.000
Ông Lê Việt Hùng	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám Đốc	1.155.289.000	1.116.767.000
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	934.346.600	884.342.000
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên HĐQT	231.900.000	183.900.000
Bà Trần Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	234.900.000	181.900.000
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT	249.450.000	203.900.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT	204.450.000	175.900.000
Ông Lê Tuấn	Thành viên HĐQT	51.450.000	-
Ông Lê Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	60.450.000	-
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	692.658.400	679.599.000
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc	634.658.400	618.999.000
Bà Nguyễn Diệu Lê	Kế toán trưởng	373.430.800	368.483.000
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Trưởng ban kiểm soát	196.500.000	142.900.000
Bà Trần Thị Vân	Thành viên BKS	159.400.000	124.400.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Mỹ	Thành viên BKS	169.400.000	124.400.000
Cộng		5.799.183.200	5.179.390.000

Cổ tức nhận trong kỳ của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	264.320.400	157.664.800
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	231.420.000	138.040.000
Cộng		495.740.400	295.704.800

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

2b. **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn và các chi nhánh	Cổ đông lớn nhất với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 43,44%
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (Quỹ PIF)	Cổ đông lớn với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 21,64%
Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco	Cổ đông lớn từ ngày 15/06/2026, với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 15,89%
Công ty Cổ phần EPAdvisory	Có người lãnh đạo là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	Có chung thành viên HĐQT
Công ty CP Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam	Có chung thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn và các chi nhánh		
- Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	-	20.000.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm (*)	33.796.647.476	26.177.590.084
- Thu tiền bán thành phẩm	30.583.338.090	42.057.388.814
- Chi trả cổ tức	5.676.032.600	27.569.301.200
Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco		
- Doanh thu bán thành phẩm (*)	4.369.332.932	-
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (Quỹ PIF)		
- Chi trả cổ tức	2.828.000.000	-

(*) Giá bán các sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2c. **Số dư với bên liên quan**

Xem thuyết minh tại mục V.3 – Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc.

3. **Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hóa.
- Kinh doanh thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Kinh doanh hàng hóa	Kinh doanh thành phẩm	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần	672.231.721	256.998.689.762	257.670.921.483
Giá vốn hàng bán	464.875.675	146.229.698.282	146.694.573.957
Lãi gộp	207.356.046	110.768.991.480	110.976.347.526
Kỳ trước			
Doanh thu thuần	4.078.035.157	253.845.122.338	257.923.157.495
Giá vốn hàng bán	2.766.434.896	143.891.760.557	146.658.195.453
Lãi gộp	1.311.600.261	109.953.361.781	111.264.962.042

Khu vực địa lý

Doanh thu toàn bộ được thực hiện tại Việt Nam.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN MẠNH HÙNG

NGUYỄN DIỆU LÊ



LÊ VIỆT HÙNG